TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2024/DS-ST
Ngày: 12-6-2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Ông Huỳnh Văn Sức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông bà Lê Thanh Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp dân sự *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXX-ST, ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Võ Văn O, sinh năm 1982;

1.2 Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1998;

Cùng cư trú: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

1.3 Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: ông Lê Hữu Đ1, sinh năm 1963. Nơi cư trú: số nhà E, tổ H, hẻm G, đường C, khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang là đại diện theo ủy quyền. Theo văn bản uỷ quyền số 1805, 1806 quyển số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2023 và số 2421 quyển số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết M (tên gọi khác là Trần Thị A L), sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023, tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Võ Văn O, chị Võ Thị Kim N và bà Trần Thị Đ là những người thừa kế theo quy định pháp luật của bà Trần Thị T (chết ngày 11/7/2022). Giữa gia đình bà T với bà M có quen biết do cùng cư trú (ở cùng xóm) nên thường xuyên làm ăn qua lại như: vay tiền làm vốn, vay trả đáo hạn Ngân hàng đã nhiều lần, nhiều năm.

Vào ngày 05/01/2020 âl, bà Trần Thị T có cho bà Trần Thị Tuyết M (tên gọi khác là Trần Thị A L) vay số tiền là: 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng, mục đích vay để bà M bổ sung vốn sinh hoạt mua bán nhỏ, vay không có thời hạn, khi nào bà Trần Thị T cần thu hồi vốn thì cho bà M hay trước một tháng, khi vay và nhận tiền có làm biên nhận do bà M ký tên; từ khi vay đến trước ngày bà Trần Thị T chết, bà M có trả lãi cho bà T; nhưng sau khi bà T chết đến nay bà M không có trả lãi, cũng không trả vốn cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị T. Xác định đây là nợ riêng của bà M đối với bà T.

Nay yêu cầu bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào khác.

* Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không ghi nhận được ý kiến của bà M về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tuc tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, có căn cứ xác định bị đơn có vay tiền của bà T và hiện còn nợ như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Tuyết M trả tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về "*Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quyền khởi kiện: Giao dịch dân sự phát sinh giữa bà T với bà M nhưng bà Trần Thị T (chết ngày 11/7/2022), nên ông Võ Văn O, chị Võ Thị Kim N và bà Trần Thị Đ là những người thừa kế theo quy định pháp luật của bà Trần Thị T khởi kiện bà M là phù hợp quy định pháp luật.

Bà Trần Thị Tuyết M là bị đơn có nơi cư trú ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[2] Về nội dung: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bà Trần Thị T có cho bà Trần Thị Tuyết M (tên khác là Trần Thị A L) vay số tiền là 25.000.000đ, do bà T chết nên các nguyên đơn là những người thừa kế của bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền vốn vay còn nợ là 25.000.000đ theo tờ biên nhận ngày 05/01/2020 do bà Trần Thị Tuyết M (Trần Thị A L) ký tên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà M nhưng bị đơn (bà M) vắng mặt, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều này cho thấy, bà M đã biết được việc các hàng thừa kế của bà T khởi kiện tại Tòa án nhưng bà M lại không có ý kiến phản đối và từ bỏ quyền được bảo vệ của mình, cho thấy, về mặt ý chí bà M đã thừa nhận có vay, còn nợ bà T như nguyên đơn yêu cầu là thực tế, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để xác định, Hợp đồng vay tài sản giữa bà T với bà M là có thực tế xảy ra phù hợp với quy định pháp luật; được chứng minh bởi tờ biên nhận ngày 05/01/2020 với nội dung "*Tôi tên Trần Thị A L có mượn của Trần Thị T một số tiền là: 25.000.000đ*" do bà Trần Thị Tuyết M ký tên ghi họ tên Trần Thị A L. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đương sự không yêu cầu xem xét về lãi suất, cũng không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 184, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468, 614 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn O, chị Võ Thị Kim N và bà Trần Thị Đ đối với bị đơn bà Trần Thị Tuyết M.

Buộc bà Trần Thị Tuyết M (tên gọi khác Trần Thị A L) có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn O, chị Võ Thị Kim N và bà Trần Thị Đ số tiền vốn vay là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn O, chị Võ Thị Kim N và bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí nên được nhận lại 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006659 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Bà Trần Thị Tuyết M (tên gọi khác Trần Thị A L) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hs, VP.

Dương Bích Tuyền